

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Quàng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
2	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
4	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
5	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
6	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
7	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
8	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
9	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
10	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
11	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
12	Bùi Thị	Nương	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
13	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
14	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
15	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
16	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
17	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
18	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75
19	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
20	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75
21	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75
22	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
23	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
24	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
25	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50
26	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
27	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
28	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
29	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25
31	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25
32	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
33	Vừ A	Đĩa	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00
34	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
35	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
36	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
37	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
38	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
39	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
40	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
41	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
42	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
43	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
44	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
45	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00
46	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
47	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
48	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
49	Vũ Thị	Ngân	HDT017718	2	24.25	3.5	27.75
50	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
51	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
52	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
53	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
54	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
55	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
56	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75
57	Lò Văn	Duyên	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
58	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75
60	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
61	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
62	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
63	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
64	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50
65	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
66	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
67	Vi Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
68	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
69	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
70	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
71	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
72	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
73	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
74	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
75	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
76	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
77	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
78	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50
79	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
80	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50
81	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25
82	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25
83	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
84	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
85	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
86	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
87	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
89	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
90	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
91	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
92	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
93	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25
94	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25
95	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
96	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25
97	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25
98	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
99	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25
100	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
101	Bùi Thị	Quỳnh	LNH007700	1	23.75	3.5	27.25
102	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
103	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
104	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
105	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
106	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
107	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
108	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00
109	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
110	Chấu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
111	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
112	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
113	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00
114	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
115	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
116	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
118	Thần Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
119	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00
120	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
121	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
122	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
123	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
124	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
125	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00
126	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
127	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
128	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
129	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
130	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
131	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
132	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
133	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
134	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
135	Vũ Thị	Thành	BKA011812	1	26.00	1.0	27.00
136	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
137	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
138	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00
139	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
140	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
141	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
142	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
143	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
144	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
145	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
147	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
148	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
149	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
150	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
151	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75
152	Nguyễn Thị Lan	Phượng	TQU004348	1	25.25	1.5	26.75
153	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
154	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
155	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75
156	Đặng Thị Mỹ	Duyên	TQU000979	1	23.25	3.5	26.75
157	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
158	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
159	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
160	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	1	25.25	1.5	26.75
161	Phạm Thị	Lan	HDT013264	1	25.25	1.5	26.75
162	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75
163	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
164	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
165	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
166	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
167	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
168	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
169	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
170	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
171	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
172	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
173	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75
174	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
176	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
177	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
178	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50
179	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
180	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
181	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
182	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
183	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50
184	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50
185	Đặng Thị Minh	Ngọc	THP010306	1	26.00	0.5	26.50
186	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
187	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
188	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
189	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
190	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
191	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	1	23.00	3.5	26.50
192	Đàm Thị	Trang	TND026077	1	23.00	3.5	26.50
193	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
194	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
195	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50
196	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
197	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
198	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
199	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50
200	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50
201	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
202	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50
203	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
205	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
206	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
207	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
208	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
209	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
210	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
211	Bùi Thị	Phượng	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
212	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25
213	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
214	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25
215	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
216	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25
217	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
218	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
219	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
220	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
221	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
222	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
223	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25
224	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	1	25.25	1.0	26.25
225	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
226	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25
227	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
228	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25
229	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
230	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
231	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25
232	Đình Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
234	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
235	Đồng Mai	Phương	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
236	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
237	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	1	23.25	3.0	26.25
238	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
239	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
240	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
241	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25
242	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
243	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
244	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
245	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
246	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
247	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
248	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
249	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
250	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
251	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
252	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
253	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
254	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
255	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
256	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25
257	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
258	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
259	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
260	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
261	Vũ Thị	Phương	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
263	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
264	Lường Mai	Chinh	TTB000619	2	22.50	3.5	26.00
265	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
266	Trần Thị Thu	Thủy	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
267	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
268	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00
269	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
270	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
271	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
272	Đào Thị	Yến	KQH016529	1	25.00	1.0	26.00
273	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
274	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
275	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
276	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
277	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
278	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
279	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
280	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
281	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00
282	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
283	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
284	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	1	25.50	0.5	26.00
285	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
286	Đỗ Thị	Luyến	YTB013634	1	25.00	1.0	26.00
287	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00
288	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00
289	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
290	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
292	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00
293	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
294	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
295	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00
296	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
297	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
298	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
299	Dương Ngọc	Yến	TTB007665	1	24.50	1.5	26.00
300	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
301	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
302	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
303	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
304	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00
305	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
306	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
307	Đặng Thị	Thành	TDV027630	1	24.50	1.5	26.00
308	Nguyễn Thị Thùy	Trang	TDV032669	1	24.50	1.5	26.00
309	Đặng Thị	Linh	TDV016336	1	25.00	1.0	26.00
310	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00
311	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
312	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00
313	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
314	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
315	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
316	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
317	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
318	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
319	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	1	25.00	1.0	26.00
321	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00
322	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00
323	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
324	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	2	25.25	0.5	25.75
325	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	2	24.25	1.5	25.75
326	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
327	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
328	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
329	Trần Thị Nguyệt	Hà	TDV008058	2	24.75	1.0	25.75
330	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	2	22.25	3.5	25.75
331	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	2	24.25	1.5	25.75
332	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
333	Ngà Thị	Nhung	THV009901	2	22.25	3.5	25.75
334	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	2	25.25	0.5	25.75
335	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	2	22.25	3.5	25.75
336	Lê Thị	Nhung	HDT018789	1	24.75	1.0	25.75
337	Nguyễn Văn	Khảm	HDT012615	1	22.25	3.5	25.75
338	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
339	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
340	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	1	24.25	1.5	25.75
341	Trần Thị	Giang	TDV007480	1	25.25	0.5	25.75
342	Trần Thị Trà	My	LNH006246	1	24.25	1.5	25.75
343	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	1	24.25	1.5	25.75
344	Phạm Mai	Linh	THP008476	1	25.25	0.5	25.75
345	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	1	24.75	1.0	25.75
346	Ngô Thị	Hiếu	TDV010472	1	24.75	1.0	25.75
347	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
348	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Phạm Thị Minh	Phương	THV010544	1	24.25	1.5	25.75
350	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	1	24.25	1.5	25.75
351	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	1	24.25	1.5	25.75
352	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	1	25.25	0.5	25.75
353	Hoàng Thị Thanh	Tâm	DCN009830	1	22.25	3.5	25.75
354	Kiều Thị Thúy	Dung	KQH002034	1	25.25	0.5	25.75
355	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	1	24.25	1.5	25.75
356	Nguyễn Thị Việt	Anh	TDV001124	1	25.25	0.5	25.75
357	Trương Thị	Dịu	HHA002071	1	24.25	1.5	25.75
358	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	1	22.25	3.5	25.75
359	Lương Đình	Hùng	TND010463	1	22.25	3.5	25.75
360	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75
361	Hà Thị	Linh	TDV016421	1	24.25	1.5	25.75
362	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
363	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	1	25.25	0.5	25.75
364	Võ Thị	Thúy	TDV030786	1	25.25	0.5	25.75
365	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
366	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	1	24.25	1.5	25.75
367	Hà Thu	Trang	THV013701	1	24.25	1.5	25.75
368	Hoàng Thị	Phương	SPH013614	1	25.25	0.5	25.75
369	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
370	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	1	25.25	0.5	25.75
371	Chẳng Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75
372	Chu Minh	Trang	DCN011617	1	25.25	0.5	25.75
373	Lê Thị	Huệ	HDT010504	1	24.25	1.5	25.75
374	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	1	22.25	3.5	25.75
375	Ngụy Thị	Hằng	TND007461	1	24.25	1.5	25.75
376	Nguyễn Thị	Thúy	TDV030670	1	24.25	1.5	25.75
377	Tống Thị	Duyên	TND004393	1	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75
379	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
380	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	1	22.25	3.5	25.75
381	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	1	25.25	0.5	25.75
382	Nguyễn Phan	Hưng	TDV014128	1	25.25	0.5	25.75
383	Phạm Thùy	Linh	TND014702	1	25.25	0.5	25.75
384	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
385	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	1	24.25	1.5	25.75
386	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	1	24.75	1.0	25.75
387	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
388	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	1	25.25	0.5	25.75
389	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
390	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
391	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75
392	Tạ Thị	Quỳnh	SPH014577	1	22.25	3.5	25.75
393	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
394	Triệu Việt	Chinh	THV001425	1	24.25	1.5	25.75
395	Nông Thị	Yến	TND030117	2	22.00	3.5	25.50
396	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
397	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	2	25.00	0.5	25.50
398	Tạ Vũ Thu	Uyên	TTN022480	2	24.00	1.5	25.50
399	Lê Hoàng	Anh	TDV000565	2	24.50	1.0	25.50
400	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	2	25.00	0.5	25.50
401	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	2	25.00	0.5	25.50
402	Nguyễn Thị	Thu	TND024397	2	22.00	3.5	25.50
403	Đông Văn	Minh	THP009506	2	23.50	2.0	25.50
404	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	2	24.00	1.5	25.50
405	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	2	25.00	0.5	25.50
406	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	2	25.00	0.5	25.50
408	Trần Thị	Thương	TDV031227	2	24.00	1.5	25.50
409	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	2	22.00	3.5	25.50
410	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
411	Trần Ngọc	Anh	TND001076	2	24.00	1.5	25.50
412	Nhữ Thị Bích	Ngọc	HDT018096	1	24.00	1.5	25.50
413	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50
414	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50
415	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
416	Đoàn Thị Duyên	Yến	HDT030320	1	24.00	1.5	25.50
417	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
418	Dương Thu	Thảo	TTB005843	1	24.00	1.5	25.50
419	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
420	Từ Thị	Lý	TDV018537	1	24.00	1.5	25.50
421	Trần Thị Thanh	Ngân	HDT017697	1	24.50	1.0	25.50
422	Vi Thị Thu	Trang	DCN012027	1	22.00	3.5	25.50
423	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	1	22.00	3.5	25.50
424	Hoàng Văn	Ngọc	TQU003907	1	22.00	3.5	25.50
425	Đặng Thị	Hiếu	HVN003641	1	24.50	1.0	25.50
426	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50
427	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
428	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	1	25.00	0.5	25.50
429	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
430	Nguyễn Minh	Huế	SPH007105	1	24.50	1.0	25.50
431	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	1	25.00	0.5	25.50
432	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	1	22.00	3.5	25.50
433	Trịnh Thùy	Dung	THV002131	1	24.00	1.5	25.50
434	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50
435	Lê Thị	ánh	TDV001723	1	24.00	1.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Bùi Thúy	Phương	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
437	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
438	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	1	24.50	1.0	25.50
439	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	1	22.00	3.5	25.50
440	Phương Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
441	Cao Xuân	Hiền	THV004247	1	22.00	3.5	25.50
442	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	1	25.00	0.5	25.50
443	Vũ Thị Hồng	Ngát	BJA009239	1	24.50	1.0	25.50
444	Đào Khánh	Dương	TTB001330	1	24.00	1.5	25.50
445	Nguyễn Thảo	Mai	THV008445	1	22.00	3.5	25.50
446	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	1	24.00	1.5	25.50
447	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	1	22.00	3.5	25.50
448	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	1	25.00	0.5	25.50
449	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
450	Lê Thị	Dung	HDT003861	1	24.50	1.0	25.50
451	Trần Thị Lan	Hương	THV006324	1	24.00	1.5	25.50
452	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
453	Vũ Thị	Trà	TND025993	1	24.00	1.5	25.50
454	Nguyễn Thị Kiều	Trang	THP015172	1	25.00	0.5	25.50
455	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	1	25.00	0.5	25.50
456	Trương Mỹ	Hoa	DCN004139	1	25.00	0.5	25.50
457	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
458	Đặng Thị Tuyết	Mai	SPH010953	1	24.50	1.0	25.50
459	Lê Thị	Khuyên	HDT012824	1	24.50	1.0	25.50
460	Lê Thị Lan	Anh	HDT000630	1	24.50	1.0	25.50
461	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	1	24.00	1.5	25.50
462	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	1	25.00	0.5	25.50
463	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	1	23.00	2.5	25.50
464	Nguyễn Phương	Thảo	THV012229	1	25.00	0.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Trịnh Thùy	Linh	DCN006627	1	24.50	1.0	25.50
466	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	1	24.00	1.5	25.50
467	Nguyễn Thị Thu	Hường	THP007284	1	25.00	0.5	25.50
468	Phạm Thị	Hương	TDV014479	1	25.00	0.5	25.50
469	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25
470	Phạm Thị Mỹ	Linh	DCN006549	2	21.75	3.5	25.25
471	Phùng Thị Thuỳ	Linh	THV007724	2	23.75	1.5	25.25
472	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
473	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
474	Nguyễn Thị	Quỳnh	HDT020811	2	24.25	1.0	25.25
475	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
476	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
477	Hoàng Thị Châu	Loan	YTB013257	2	24.25	1.0	25.25
478	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
479	Đinh Thị	Vân	HHA016046	2	23.75	1.5	25.25
480	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
481	Phan Thị	Thơm	TDV029728	2	23.75	1.5	25.25
482	Đinh Thị Vân	Trang	TND026098	2	24.75	0.5	25.25
483	Nguyễn Phương	Thảo	THP013353	2	24.75	0.5	25.25
484	Nguyễn Thị Hải	Yến	TND030052	2	23.75	1.5	25.25
485	Hoàng Thị	Kiều	TQU002883	2	21.75	3.5	25.25
486	Ngô Thị	Đào	HDT005142	1	24.25	1.0	25.25
487	Phạm Thị Thu	Huyền	THV005915	1	23.75	1.5	25.25
488	Lý Thị Ngọc	Hường	TND012162	1	21.75	3.5	25.25
489	Lê Thị Hoài	Thương	TDV030972	1	24.25	1.0	25.25
490	Hoàng Văn	Mạc	TND015841	1	21.75	3.5	25.25
491	Hà Kiều	Anh	THV000166	1	21.75	3.5	25.25
492	Phạm Thị Thùy	Dung	HDT004028	1	23.75	1.5	25.25
493	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25
495	Hoàng Thị	Liên	TND013846	1	21.75	3.5	25.25
496	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	1	21.75	3.5	25.25
497	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	1	21.75	3.5	25.25
498	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
499	Vũ Huy	Hoài	TND009220	1	23.75	1.5	25.25
500	Nguyễn Thảo	Phượng	THV010522	1	23.75	1.5	25.25
501	Đỗ Thị Khánh	Linh	KQH007726	1	24.75	0.5	25.25
502	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25
503	Phạm Thị Thân	Thương	SPH016909	1	24.75	0.5	25.25
504	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
505	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
506	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25
507	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	TDV025559	1	24.75	0.5	25.25
508	Trần Thị	Nhung	TDV022558	1	23.75	1.5	25.25
509	Nông Thị Hương	Thảo	TQU005121	1	21.75	3.5	25.25
510	Dương Thái	Ni	TDV022712	1	24.75	0.5	25.25
511	Trần Thị Hồng	Thắm	TDV028646	1	22.75	2.5	25.25
512	Nông Minh	Trang	TND026618	1	21.75	3.5	25.25
513	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	1	23.75	1.5	25.25
514	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	1	24.25	1.0	25.25
515	Lê Thị Mỹ	Hạnh	HDT007525	1	23.75	1.5	25.25
516	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KQH014568	1	24.75	0.5	25.25
517	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25
518	Doãn Hải	Châu	SPH002225	1	24.25	1.0	25.25
519	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	1	21.75	3.5	25.25
520	Lò Văn	Thượng	THV013337	1	21.75	3.5	25.25
521	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	1	24.75	0.5	25.25
522	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	1	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Thị	Thêm	SPH016048	1	24.75	0.5	25.25
524	Nguyễn Khánh	Huyền	THV005809	1	23.75	1.5	25.25
525	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
526	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	1	24.25	1.0	25.25
527	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	LNH006798	1	24.75	0.5	25.25
528	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	1	24.25	1.0	25.25
529	Nguyễn Thị	Uyên	THV015018	1	23.75	1.5	25.25
530	Phạm Thị Thu	Hằng	YTB007113	1	24.75	0.5	25.25
531	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
532	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25
533	Lô Thị	Hoa	TND008738	1	21.75	3.5	25.25
534	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
535	Dương Thị	Thương	TLA013548	1	24.25	1.0	25.25
536	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	1	21.75	3.5	25.25
537	Võ Thị	Hà	TDV008106	1	23.75	1.5	25.25
538	Vũ Thị	Anh	THP000937	1	24.75	0.5	25.25
539	Cao Thị	Xuyến	TND029846	1	21.75	3.5	25.25
540	Hoàng Thị Phượng	Uyên	DCN012920	1	21.75	3.5	25.25
541	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	1	23.75	1.5	25.25
542	Lương Thị Hải	Yến	TND030008	2	21.50	3.5	25.00
543	Đỗ Lan	Hương	TTB002928	2	23.50	1.5	25.00
544	Nguyễn Khánh	Ly	DCN007020	2	24.50	0.5	25.00
545	Trịnh Thu	Hà	THV003643	2	23.50	1.5	25.00
546	Hoàng Thạch	Thảo	TND022963	2	21.50	3.5	25.00
547	Lê Hồng	Ngọc	DCN008058	2	24.50	0.5	25.00
548	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	2	24.50	0.5	25.00
549	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
550	Vi Thị Hồng	Thái	TND022373	2	21.50	3.5	25.00
551	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	2	24.50	0.5	25.00
553	Nguyễn Khánh	Hòa	LNH003521	2	21.50	3.5	25.00
554	Lý San	Mấy	DCN007320	2	21.50	3.5	25.00
555	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	2	21.50	3.5	25.00
556	Nguyễn Nga	Quỳnh	THV011106	2	21.50	3.5	25.00
557	Sùng A	Gia	TTB001626	2	21.50	3.5	25.00
558	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	2	23.50	1.5	25.00
559	Lê Thị Thu	Hằng	HDT007887	1	24.50	0.5	25.00
560	Lê Thị	Dung	HDT003867	1	24.00	1.0	25.00
561	Nguyễn Lê	Hạ	TDV008132	1	23.50	1.5	25.00
562	Nguyễn Thu	Thảo	THP013451	1	25.00		25.00
563	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
564	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
565	Bùi Thị	Phượng	DCN009006	1	24.00	1.0	25.00
566	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	1	23.50	1.5	25.00
567	Nguyễn Thị	Hương	TDV014388	1	24.50	0.5	25.00
568	Vũ Thị	Liên	YTB012306	1	24.00	1.0	25.00
569	Nguyễn Thị Việt	Phượng	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
570	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
571	Lương Thị	Lành	TDV015720	1	24.00	1.0	25.00
572	Vũ Thị Lan	Anh	DCN000749	1	24.00	1.0	25.00
573	Vương Thị	Quế	TDV024851	1	24.00	1.0	25.00
574	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	1	23.50	1.5	25.00
575	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
576	Hoàng Thị	Thương	TND025317	1	21.50	3.5	25.00
577	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
578	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
579	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	1	21.50	3.5	25.00
580	Đinh Phương	Thảo	TQU005039	1	23.50	1.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Hoàng Thị	Huyền	THV005749	1	23.50	1.5	25.00
582	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
583	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	1	23.50	1.5	25.00
584	Nguyễn Thị	Hiền	KHA003756	1	24.00	1.0	25.00
585	Đào Thị	Hà	TDV007591	1	23.50	1.5	25.00
586	Nguyễn Thị	Hường	HDT012492	1	24.50	0.5	25.00
587	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
588	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	1	21.50	3.5	25.00
589	Đặng Phương	Thảo	LNH008408	1	23.50	1.5	25.00
590	Trần Lê Phương	Ly	TLA008828	1	25.00		25.00
591	Hồ Thị Minh	Nguyệt	TTB004473	1	23.50	1.5	25.00
592	Lê Tố	Anh	HDT000593	1	24.50	0.5	25.00
593	Lê Thị Ngọc	Mai	TND015949	1	23.50	1.5	25.00
594	Nông Thu	Hà	TND006410	1	21.50	3.5	25.00
595	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	1	21.50	3.5	25.00
596	Trần Thị Thanh	Mai	TDV018799	1	24.00	1.0	25.00
597	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
598	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	1	24.50	0.5	25.00
599	Trịnh Phương	Thanh	THV011924	1	23.50	1.5	25.00
600	Phạm Thị	Linh	HDT014743	1	24.00	1.0	25.00
601	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	1	23.50	1.5	25.00
602	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00
603	Bùi Văn	Cường	LNH001255	1	21.50	3.5	25.00
604	Nguyễn Thị Thu	Hiền	SPH005941	1	24.50	0.5	25.00
605	Nguyễn Thị Thanh	Thư	TLA013520	1	24.50	0.5	25.00
606	Vũ Thị Tú	Uyên	YTB024837	1	23.00	2.0	25.00
607	Phan Hoàng	Đức	SPH004362	1	25.00		25.00
608	Nguyễn Lan	Anh	TQU000129	1	23.50	1.5	25.00
609	Nguyễn Thị	Hoàn	TDV011571	1	23.50	1.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Lê Thị Ngọc	Trâm	TND026825	1	21.50	3.5	25.00
611	Thào A	Mệnh	DCN007325	1	22.50	2.5	25.00
612	Vũ Thị	Dương	THP002855	1	24.50	0.5	25.00
613	Bùi Thị	Thương	THV013261	1	23.50	1.5	25.00
614	Hà Thị	My	LNH006229	1	21.50	3.5	25.00
615	Mai Thị Thu	Huyền	KQH006165	2	23.75	1.0	24.75
616	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
617	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
618	Đàm Thị Thu	Hoài	HDT009553	2	24.25	0.5	24.75
619	Đinh Thị	Dự	TQU001020	2	21.25	3.5	24.75
620	Đào Quang	Anh	TLA000247	2	24.75		24.75
621	Phan Thị Hà	My	DHU013378	2	23.75	1.0	24.75
622	Nguyễn Thùy	Dương	THV002547	2	23.25	1.5	24.75
623	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	2	23.75	1.0	24.75
624	Nguyễn Thị Thu	Thủy	SPH016598	2	23.75	1.0	24.75
625	Mã Thị Mỹ	Hạnh	DCN003183	2	21.25	3.5	24.75
626	Từ Thị	Tuyến	TND028584	2	23.25	1.5	24.75
627	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
628	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	2	23.25	1.5	24.75
629	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	2	23.75	1.0	24.75
630	Lê Ngọc	Linh	TND014253	1	21.25	3.5	24.75
631	Phan Thị	Ngọc	TDV021352	1	23.75	1.0	24.75
632	Đinh Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
633	Lò Thạc	Khuê	THV006689	1	21.25	3.5	24.75
634	Võ Tiến	Đạt	TDV006201	1	23.75	1.0	24.75
635	Hoàng Thu	Giang	KQH003341	1	24.25	0.5	24.75
636	Đinh Thị Quỳnh	Hương	HHA006731	1	23.25	1.5	24.75
637	Bàn Thị	Thủy	THV012988	1	21.25	3.5	24.75
638	Liêng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
640	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
641	Trần Thị Kim	Dung	SPH003118	1	21.25	3.5	24.75
642	Hoàng Thị Lan	Anh	SPH000413	1	23.75	1.0	24.75
643	Khuất Kiều	Anh	DCN000203	1	24.25	0.5	24.75
644	Ma Thị	Thu	TQU005363	1	21.25	3.5	24.75
645	Nguyễn Thị	Tuyết	SPH019067	1	23.25	1.5	24.75
646	Cao Thị	Trang	SPH017281	1	23.75	1.0	24.75
647	Hoàng Thị	Lam	TDV015475	1	23.25	1.5	24.75
648	Tạ Quế	Anh	YTB001230	1	23.75	1.0	24.75
649	Bế Thị	Định	TND005206	1	21.25	3.5	24.75
650	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	1	21.25	3.5	24.75
651	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
652	Vũ Thị Thanh	Xuân	YTB025584	1	23.75	1.0	24.75
653	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	1	23.75	1.0	24.75
654	Phạm Thị	Giang	HDT006422	1	23.25	1.5	24.75
655	Bùi Thị Thanh	Thủy	HDT024852	1	24.25	0.5	24.75
656	Nguyễn Thị	Thúy	TQU005508	1	23.25	1.5	24.75
657	Lương Văn	Cảnh	TND002000	1	21.25	3.5	24.75
658	Đặng Thị	Luyến	TQU003405	1	23.25	1.5	24.75
659	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75
660	Vương Thị	Nụ	KQH010483	1	24.25	0.5	24.75
661	Lê Thị Diễm	Ly	TDV018282	1	23.75	1.0	24.75
662	Nguyễn Thị Hoài	Thu	LNH009019	1	21.25	3.5	24.75
663	Đàm Thị	Luyện	TND015430	1	21.25	3.5	24.75
664	Lý Thị	Hiền	KQH004530	1	21.25	3.5	24.75
665	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018329	1	23.75	1.0	24.75
666	Ngô Thị	Ngọc	THP010353	1	24.25	0.5	24.75
667	Quan Thị	Vân	TQU006433	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Đào Thị	Trang	HHA014453	1	23.25	1.5	24.75
669	Trần Quỳnh Anh	Thư	THV013233	1	21.25	3.5	24.75
670	Nguyễn Phương	Mai	TDV018665	1	24.25	0.5	24.75
671	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
672	Hoàng Thị	Tư	DCN012871	1	21.25	3.5	24.75
673	Nguyễn Tuấn	Bình	HDT002238	2	21.00	3.5	24.50
674	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
675	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50
676	Vũ Thị Minh	Quyên	YTB018104	2	23.50	1.0	24.50
677	Đặng Diệp	Hương	THP006956	2	24.00	0.5	24.50
678	Lê Thị ánh	Trinh	HDT027415	2	23.00	1.5	24.50
679	Doãn Thị	Sang	HDT021376	2	23.50	1.0	24.50
680	Đỗ Thị	Lương	YTB013712	2	23.50	1.0	24.50
681	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	2	23.00	1.5	24.50
682	Vi Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
683	Quảng Văn	Tùng	TTB007245	2	21.00	3.5	24.50
684	Nguyễn Thị Thanh	Lam	THV006858	2	23.00	1.5	24.50
685	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50
686	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
687	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
688	Đỗ Thị	Hạnh	KQH003920	2	24.00	0.5	24.50
689	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
690	Giàng Văn	Tư	TQU006328	2	21.00	3.5	24.50
691	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	2	24.00	0.5	24.50
692	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	2	24.00	0.5	24.50
693	Hoàng Thị	Lương	TND015509	1	21.00	3.5	24.50
694	Nguyễn Thị Huyền	Trang	THV013818	1	23.50	1.0	24.50
695	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50
696	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
698	Hoàng Kim	Anh	HDT000411	1	23.50	1.0	24.50
699	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
700	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	1	21.00	3.5	24.50
701	Cao Thị Thanh	Hòa	TND008902	1	21.00	3.5	24.50
702	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	1	23.50	1.0	24.50
703	Lê Thị Huyền	Trang	THV013747	1	21.00	3.5	24.50
704	Nguyễn Thị	Lý	HDT015874	1	23.50	1.0	24.50
705	Nguyễn Thị	Quỳnh	THV011145	1	23.00	1.5	24.50
706	Nguyễn Thị	Sửu	SPH014988	1	23.00	1.5	24.50
707	Nguyễn Thị	Kim	HDT013022	1	23.50	1.0	24.50
708	Lê Thị Thúy	Vân	KHA011485	1	23.50	1.0	24.50
709	Nguyễn Anh	Cường	TLA002252	1	24.50		24.50
710	Phạm Thị Thu	Hiền	HHA004655	1	23.00	1.5	24.50
711	Nguyễn Thị	Huyền	THP006557	1	23.50	1.0	24.50
712	Lê Thị	Hường	HDT012462	1	23.50	1.0	24.50
713	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
714	Lương Kim	Hoàn	TND009285	1	21.00	3.5	24.50
715	Trần Thị Lan	Anh	TQU000231	1	23.00	1.5	24.50
716	Hà Thị	Phượng	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
717	Dương A	Giàng	TND006057	1	21.00	3.5	24.50
718	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50
719	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
720	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
721	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	1	23.00	1.5	24.50
722	Nguyễn Minh	Thành	TDV027706	1	24.00	0.5	24.50
723	Phạm Nhật	Tú	TDV034407	1	23.50	1.0	24.50
724	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	1	23.00	1.5	24.50
725	Đinh Thị	Thương	TDV030929	1	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Triệu Thị	Diệu	TND003543	1	21.00	3.5	24.50
727	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
728	Nguyễn Thị	Chinh	THP001631	1	23.00	1.5	24.50
729	Trịnh Bích	Phượng	TND020116	1	23.00	1.5	24.50
730	Nguyễn Thị	Xuân	TLA015814	1	23.50	1.0	24.50
731	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
732	Đinh Thị	Thành	LNH008311	1	21.00	3.5	24.50
733	Nguyễn Thị	Tinh	HDT025944	1	23.00	1.5	24.50
734	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	LNH006980	1	23.00	1.5	24.50
735	Hà Thị	Phượng	HDT020179	1	21.00	3.5	24.50
736	Lương Thị	Thảo	LNH008490	1	21.00	3.5	24.50
737	Nguyễn Thị	Tuân	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
738	Hoàng Thị Thu	Uyên	HDT029318	1	23.00	1.5	24.50
739	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
740	Đào Thị	Thúy	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
741	Linh Thị	Hằng	KQH004241	1	21.00	3.5	24.50
742	Lương Thị	Thắm	TTB005973	1	21.00	3.5	24.50
743	Cù Thu	Thủy	TQU005449	1	23.00	1.5	24.50
744	Trần Thái	Bảo	SPH001971	1	24.50		24.50
745	Lành Văn	Thành	KQH012408	1	21.00	3.5	24.50
746	Trần Hải	Nam	THV009057	1	23.00	1.5	24.50
747	Nguyễn Thị Mai	Trang	TLA014103	1	24.00	0.5	24.50
748	Trần Bùi Lan	Hương	LNH004576	1	23.00	1.5	24.50
749	Long Quốc	Huấn	TND009988	2	20.75	3.5	24.25
750	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25
751	Tráng Thị	Thư	THV013231	2	20.75	3.5	24.25
752	Đào Duy	Hải	TLA004256	2	23.75	0.5	24.25
753	Hoàng Thị Bích	Phượng	TDV023805	2	23.25	1.0	24.25
754	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Lục Văn	Đình	TND005198	2	20.75	3.5	24.25
756	Tô Phương	Thảo	SPH015813	2	23.25	1.0	24.25
757	Bùi Thị Bích	Hạnh	LNH002741	2	20.75	3.5	24.25
758	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
759	Hoàng Thị	Hoà	TND008888	2	22.75	1.5	24.25
760	Nguyễn Anh	Đức	TDV006715	2	22.75	1.5	24.25
761	Đỗ Thị	Hoài	HDT009549	2	23.25	1.0	24.25
762	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	2	22.75	1.5	24.25
763	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25
764	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
765	Hoàng Thị Thuỳ	Dương	TND004501	2	22.75	1.5	24.25
766	Vũ Thị Hương	Lan	THP007869	2	22.75	1.5	24.25
767	Đoàn Ngọc	Phúc	THV010289	2	22.75	1.5	24.25
768	Trần Thị	Phượng	TLA011197	2	23.25	1.0	24.25
769	Dương Thị	Hạnh	TND006866	2	23.25	1.0	24.25
770	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	2	22.25	2.0	24.25
771	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KQH000514	2	23.75	0.5	24.25
772	Chầu Thị	Thuỷ	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
773	Phạm Thị Phương	Thuỳ	TQU005440	2	22.75	1.5	24.25
774	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
775	Chung Thị	Diệp	TND003448	2	20.75	3.5	24.25
776	Trần Thị Huyền	Trang	DCN011994	2	23.75	0.5	24.25
777	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
778	Nông Thị	Vân	TND029364	2	20.75	3.5	24.25
779	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
780	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BJA013696	2	24.25		24.25
781	Nguyễn Thị	Giang	YTB005628	2	23.25	1.0	24.25
782	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	2	22.75	1.5	24.25
783	Vũ Khắc	Toàn	DCN011568	2	23.25	1.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TND018947	2	20.75	3.5	24.25
785	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
786	Phạm Thị Hoài	Thương	TDV031163	1	22.75	1.5	24.25
787	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	1	20.75	3.5	24.25
788	Ngô Thị	Ngọc	HDT018007	1	23.25	1.0	24.25
789	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	1	22.75	1.5	24.25
790	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25
791	Trần Ngọc Hương	Trang	THV013997	1	22.75	1.5	24.25
792	Nguyễn Thị	Thu	HDT024465	1	22.75	1.5	24.25
793	Nguyễn Trần Ngân	Diệp	LNH001390	1	20.75	3.5	24.25
794	Trần Thùy	Linh	YTB013134	1	23.75	0.5	24.25
795	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25
796	Nguyễn Phương	Hảo	TQU001582	1	22.75	1.5	24.25
797	Lê Thị Thu	Giang	HDT006303	1	23.25	1.0	24.25
798	Phan Thị	Thảo	SPH015781	1	23.25	1.0	24.25
799	Lê Thị	Lanh	DCN005963	1	23.25	1.0	24.25
800	Nguyễn Thị Hà	Ly	TDV018324	1	22.75	1.5	24.25
801	Phan Thị	Linh	TDV017114	1	22.75	1.5	24.25
802	Lý Thành	Công	THV001607	1	20.75	3.5	24.25
803	Đỗ Thị	Nguyệt	HHA010324	1	23.25	1.0	24.25
804	Phương Thùy	Dung	TND003795	1	20.75	3.5	24.25
805	Trần Thị	Trang	TDV033075	1	22.75	1.5	24.25
806	Nguyễn Thu	Hằng	TQU001639	1	22.75	1.5	24.25
807	Cao Thị	Giang	TDV007113	1	22.75	1.5	24.25
808	Hà Anh	Thư	TQU005535	1	20.75	3.5	24.25
809	Bùi Thị	Hương	KQH006558	1	23.75	0.5	24.25
810	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
811	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
812	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	1	23.25	1.0	24.25
814	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
815	Hà Ngọc Thủy	Tiên	LNH009416	1	20.75	3.5	24.25
816	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	1	22.75	1.5	24.25
817	Mông Thị Thùy	Linh	KQH007834	1	20.75	3.5	24.25
818	Nguyễn Thị	Hiền	TND007899	1	20.75	3.5	24.25
819	Cao Phương	Chi	THV001244	1	22.75	1.5	24.25
820	Trần Thị	Loan	BKA007971	1	23.25	1.0	24.25
821	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
822	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	1	23.25	1.0	24.25
823	Bế Thị	Nga	TND017267	1	20.75	3.5	24.25
824	Hà Thị Minh	Hạnh	THV003851	1	22.75	1.5	24.25
825	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	1	23.25	1.0	24.25
826	Lê Hoàng	Anh	SPH000486	1	23.75	0.5	24.25
827	Uông Thị	Hà	TDV008097	1	22.75	1.5	24.25
828	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	KHA005756	1	23.75	0.5	24.25
829	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
830	Trịnh Đức	Mạnh	HDT016368	1	23.25	1.0	24.25
831	Nguyễn Thị	Hiền	TQU001721	2	20.50	3.5	24.00
832	Trịnh Thị	Thùy	HDT024845	2	23.00	1.0	24.00
833	Lò Thị	Tình	TTB006626	2	20.50	3.5	24.00
834	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008758	2	22.50	1.5	24.00
835	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
836	Phạm Thị	Thảo	THV012317	2	22.50	1.5	24.00
837	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
838	La Thị	Nga	TND017328	2	20.50	3.5	24.00
839	Trần Văn	Thái	HDT022492	2	23.00	1.0	24.00
840	Lê Lưu	Ly	TTB003797	2	21.50	2.5	24.00
841	Phạm Thị	Anh	YTB001125	2	23.00	1.0	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
843	Lê Thị Hồng	Gấm	TND005746	2	22.50	1.5	24.00
844	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	2	20.50	3.5	24.00
845	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	2	22.50	1.5	24.00
846	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DCN010684	2	23.50	0.5	24.00
847	Nguyễn Thị	Thủy	TND024896	2	22.50	1.5	24.00
848	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00
849	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
850	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
851	Đỗ Đức	Duy	DCN001922	2	23.50	0.5	24.00
852	Tần San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
853	Nguyễn Thị	Đạt	YTB004758	2	23.00	1.0	24.00
854	Chu Thị	Thảo	SPH015531	2	23.50	0.5	24.00
855	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	1	22.50	1.5	24.00
856	Ngô Minh	Nhật	HDT018521	1	22.50	1.5	24.00
857	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013715	1	22.50	1.5	24.00
858	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	1	20.50	3.5	24.00
859	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
860	Phạm Thị Kim	Anh	SPH001360	1	20.50	3.5	24.00
861	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	1	23.50	0.5	24.00
862	Bùi Thị	Lý	LNH005843	1	20.50	3.5	24.00
863	Trần Thị	Hường	THV006436	1	22.50	1.5	24.00
864	Võ Đình	Nhật	TDV022102	1	23.00	1.0	24.00
865	Nguyễn Thị Thanh	Hương	HHA006851	1	22.50	1.5	24.00
866	Đình Thị	Phượng	TDL011197	1	22.50	1.5	24.00
867	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
868	Nguyễn Thị	Bình	TND001889	1	20.50	3.5	24.00
869	Chu Tú	Anh	TND000127	1	20.50	3.5	24.00
870	Nguyễn Thị	Quỳnh	TND021174	1	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Trần Ngọc	Diệp	TND003500	1	22.50	1.5	24.00
872	Phạm Thị	Liễu	TDV016179	1	23.00	1.0	24.00
873	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
874	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
875	Hà Thị Như	Quỳnh	THV011056	1	20.50	3.5	24.00
876	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
877	Nguyễn Thị Phương	Loan	THV007890	1	22.50	1.5	24.00
878	Ngô Thị Thanh	Thủy	KQH013653	1	23.50	0.5	24.00
879	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	1	23.50	0.5	24.00
880	Nguyễn Hằng	Ngọc	SPH012568	1	22.50	1.5	24.00
881	Nguyễn Thị Thu	Hằng	THP004552	1	23.00	1.0	24.00
882	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
883	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
884	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
885	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00
886	Phùng Mỹ	Linh	DCN006564	1	23.50	0.5	24.00
887	Nguyễn Ngọc	Phương	DCN008878	1	23.50	0.5	24.00
888	Lê Thị Hà	Trang	HDT026437	1	23.00	1.0	24.00
889	Phạm Hồng	Phượng	HHA011382	1	22.50	1.5	24.00
890	Ngô Quỳnh	Oanh	TTB004690	1	22.50	1.5	24.00
891	Nguyễn Linh	Chi	TDV002927	1	23.50	0.5	24.00
892	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00
893	Nguyễn Thị Thu	Thảo	THV012275	1	22.50	1.5	24.00
894	Tường Thị Vân	Anh	TLA001318	1	23.50	0.5	24.00
895	Vũ Thị	Tư	YTB024658	4	22.75	1.0	23.75
896	Vũ Văn	Tiến	HDT025887	2	22.75	1.0	23.75
897	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	2	22.25	1.5	23.75
898	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
899	Lê Minh	Hoàng	TND009430	2	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Phạm Thu	Hà	LNH002575	2	22.25	1.5	23.75
901	Lê Thị Kim	Huệ	DCN004549	2	23.25	0.5	23.75
902	Nguyễn Thị	Linh	YTB012779	2	22.75	1.0	23.75
903	Ma Khánh	Toàn	TQU005698	2	20.25	3.5	23.75
904	Lù Thị	Yến	TQU006622	2	20.25	3.5	23.75
905	Triệu Thị	Huệ	TQU002252	2	20.25	3.5	23.75
906	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TDV016765	2	23.25	0.5	23.75
907	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
908	Mai Thị	Thúy	HDT025188	2	22.75	1.0	23.75
909	Đồng Thị	Hà	TQU001392	2	20.25	3.5	23.75
910	Hoàng Văn	Kiểm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
911	Lê Quỳnh	Anh	YTB000502	2	23.25	0.5	23.75
912	Trần Thị Kim	Oanh	THV010140	2	22.25	1.5	23.75
913	Hoàng Hải	Yến	THV015567	2	20.25	3.5	23.75
914	Bùi Thị	Trang	YTB022444	2	22.75	1.0	23.75
915	Trịnh Thị Hồng	Nhung	BKA010004	2	22.25	1.5	23.75
916	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
917	Lương Mạnh	Hưng	TND011547	2	20.25	3.5	23.75
918	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	2	22.25	1.5	23.75
919	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
920	Trương Thạch	Thảo	HDT023478	2	22.75	1.0	23.75
921	Đỗ Thu	Huyền	BKA005921	2	23.75		23.75
922	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
923	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	1	22.25	1.5	23.75
924	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
925	Đào Tiến	Tùng	THV014733	1	22.25	1.5	23.75
926	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	TLA006359	1	23.75		23.75
927	Nguyễn Thị	Huyền	TND011224	1	22.25	1.5	23.75
928	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Lê Thị	Hương	HDT012078	1	22.25	1.5	23.75
930	Nguyễn Thị	Quyên	HHA011628	1	23.25	0.5	23.75
931	Nguyễn Thị	Tú	TDV034339	1	23.25	0.5	23.75
932	Nông Đức	Toàn	TQU005705	1	20.25	3.5	23.75
933	Lê Thị	Trang	HDT026601	1	20.25	3.5	23.75
934	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	1	22.25	1.5	23.75
935	Hoàng Văn	Cương	TND003025	1	20.25	3.5	23.75
936	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
937	Nông Thị	Thủy	TND024910	1	20.25	3.5	23.75
938	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
939	Đinh Thị Quỳnh	Trang	TDV032107	1	22.75	1.0	23.75
940	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
941	Nguyễn Quang	Trường	TQU006019	1	22.25	1.5	23.75
942	Lê Thị Trà	My	TDV019572	1	23.25	0.5	23.75
943	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
944	Nguyễn Thị Hoàng	Thảo	LNH008515	1	20.25	3.5	23.75
945	Hoàng Thị	Duyên	TND004306	1	20.25	3.5	23.75
946	Nguyễn Trần Hào	Trâm	HDT027347	1	22.75	1.0	23.75
947	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75
948	Phan Minh	Anh	HDT001332	1	22.25	1.5	23.75
949	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
950	Trịnh Thúy	Phương	TQU004389	1	20.25	3.5	23.75
951	Nguyễn Ngọc	Anh	HDT000974	1	23.25	0.5	23.75
952	Trương Phương	Thảo	YTB020000	1	22.75	1.0	23.75
953	Cao Thị	Phương	HDT019645	1	22.75	1.0	23.75
954	Dương Vũ Hồng	Nhung	SPH013028	2	23.00	0.5	23.50
955	Khúc Thiều	Hoa	KHA003784	2	23.00	0.5	23.50
956	Nguyễn Thị	Hiền	TND007913	2	22.00	1.5	23.50
957	Nguyễn Thị	Thơ	THV012748	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Nguyễn Thành	Lâm	THV007039	2	22.00	1.5	23.50
959	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	2	22.50	1.0	23.50
960	Cao Thị Kim	Oanh	DHU016837	2	22.00	1.5	23.50
961	Phan Thị	Hương	TDV014467	2	22.00	1.5	23.50
962	Hà Thị	Huynh	TQU002531	2	20.00	3.5	23.50
963	Hoàng Hải	Yến	TND029963	2	20.00	3.5	23.50
964	Đàm Thị Thu	An	TND000010	2	20.00	3.5	23.50
965	Nông Thị Thảo	My	TND016846	2	20.00	3.5	23.50
966	Nguyễn Thị Kim	Oanh	TDV022958	2	22.50	1.0	23.50
967	Nguyễn Thị	Dung	HVN001623	2	22.50	1.0	23.50
968	Hoàng Thị	Tú	TND027468	2	20.00	3.5	23.50
969	Trương Thị Kim	Hồng	TQU002155	2	20.00	3.5	23.50
970	Ngô Thị	Hạnh	HDT007536	2	22.00	1.5	23.50
971	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	2	22.00	1.5	23.50
972	Đặng Thị	Chinh	BJA001641	2	22.50	1.0	23.50
973	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	2	23.00	0.5	23.50
974	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	2	22.50	1.0	23.50
975	Dương Diệu	Oanh	TND019258	2	20.00	3.5	23.50
976	Nguyễn Thị Trà	My	THV008835	2	22.00	1.5	23.50
977	Bùi Huy	Anh	TTB000040	2	20.00	3.5	23.50
978	Hoàng Thị Ngọc	Như	TND019084	2	20.00	3.5	23.50
979	Nguyễn Thị	Trà	THP014966	2	22.50	1.0	23.50
980	Trần Thị Hà	Trang	YTB023098	2	23.00	0.5	23.50
981	Phạm Thị Ngọc	Nhung	TLA010569	2	23.50		23.50
982	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
983	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	1	22.00	1.5	23.50
984	Nguyễn Thị	Nga	TND017365	1	22.00	1.5	23.50
985	Trương Thị	Thực	HDT025413	1	22.50	1.0	23.50
986	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	1	21.00	2.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Phạm Thị Thúy	Loan	DCN006713	1	22.50	1.0	23.50
988	Nguyễn Thị Thu	Thủy	SPH016603	1	22.00	1.5	23.50
989	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	TDV001819	1	22.00	1.5	23.50
990	Hoàng Thị Thanh	Lan	TQU002916	1	20.00	3.5	23.50
991	Lục Thị	Mến	TND016379	1	20.00	3.5	23.50
992	Đinh Thị	Huệ	LNH003865	1	23.00	0.5	23.50
993	Thào Thu	Phượng	THV010557	1	20.00	3.5	23.50
994	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
995	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	1	22.00	1.5	23.50
996	Lê Thị	Thoa	HDT024151	1	22.50	1.0	23.50
997	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
998	Nguyễn Thị	Yến	TND030071	1	20.00	3.5	23.50
999	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
1000	Nguyễn Thị	Oanh	TDV022997	1	22.50	1.0	23.50
1001	Triệu Văn	Cao	TND002019	1	20.00	3.5	23.50
1002	Vi Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
1003	Nguyễn Minh	Tiến	KHA010077	1	22.50	1.0	23.50
1004	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50
1005	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
1006	Đỗ Thị	Thảo	TND022842	1	22.00	1.5	23.50
1007	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	1	22.50	1.0	23.50
1008	Nguyễn Thị Thu	Phượng	HVN008357	1	22.50	1.0	23.50
1009	Lê Thị Thúy	Hằng	YTB006968	1	22.50	1.0	23.50
1010	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
1011	Nguyễn Thị	Châm	HDT002396	2	22.25	1.0	23.25
1012	Nguyễn Thị Hải	Lý	DCN007072	2	19.75	3.5	23.25
1013	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	2	21.75	1.5	23.25
1014	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	2	21.75	1.5	23.25
1015	Trần Quang	Huy	TQU002382	2	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	2	22.75	0.5	23.25
1017	Trần Thị	Quỳnh	KQH011676	2	22.25	1.0	23.25
1018	Nguyễn Mạnh	Chí	SPH002467	2	22.25	1.0	23.25
1019	Nguyễn Thúy	Phượng	LNH007467	2	21.75	1.5	23.25
1020	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
1021	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25
1022	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
1023	Đặng Minh	Khôi	BKA006829	2	22.25	1.0	23.25
1024	Phùng Thị	Hồng	DCN004460	2	22.75	0.5	23.25
1025	Nguyễn Ngọc	Lâm	THP007920	2	22.75	0.5	23.25
1026	Ngô Tất	Đạt	SPH003876	2	23.25		23.25
1027	Vũ Huy	Anh	KHA000745	2	23.25		23.25
1028	Quách Văn	Long	TQU003359	2	19.75	3.5	23.25
1029	Hứa Phương	Thảo	HDT023104	2	21.75	1.5	23.25
1030	Dương Minh	Thư	THV013201	2	19.75	3.5	23.25
1031	Trần Trọng	Thông	LNH008947	2	22.75	0.5	23.25
1032	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	1	22.25	1.0	23.25
1033	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
1034	Hoàng Thị	Trang	DCN011689	1	22.25	1.0	23.25
1035	Đinh Thị	Thu	TDV029780	1	22.25	1.0	23.25
1036	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
1037	Kiều Thị Thu	Thảo	LNH008473	1	21.75	1.5	23.25
1038	Vi Thị Linh	Đan	HDT005108	1	19.75	3.5	23.25
1039	Phạm Huyền	Anh	THP000728	1	22.75	0.5	23.25
1040	Lê Hữu	Thanh	HDT022554	1	22.75	0.5	23.25
1041	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
1042	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	THP008322	1	22.25	1.0	23.25
1043	Vương Thị	Yến	YTB025924	1	22.25	1.0	23.25
1044	Trần Thị	Hoa	TDV010974	1	22.25	1.0	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Hoàng Thị Thảo	Hương	TND011772	1	19.75	3.5	23.25
1046	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
1047	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011315	1	21.75	1.5	23.25
1048	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25
1049	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	1	22.25	1.0	23.25
1050	Hà Thị	Duyên	TDV005252	1	21.75	1.5	23.25
1051	Cao Thị	Thơm	THP013977	1	22.25	1.0	23.25
1052	Cao Thị	Trang	HHA014409	1	22.75	0.5	23.25
1053	Lò Thị	Thanh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
1054	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
1055	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
1056	Bùi Thị	Lê	LNH005057	1	19.75	3.5	23.25
1057	Đỗ Phương	Thảo	KQH012524	1	22.75	0.5	23.25
1058	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	1	22.75	0.5	23.25
1059	Trịnh Tiến	Cường	TLA002331	1	20.25	3.0	23.25
1060	Nguyễn Thị Minh	Hằng	THV004063	1	21.75	1.5	23.25
1061	Ngô Thị Thanh	Huyền	HVN004623	1	22.75	0.5	23.25
1062	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	LNH007762	1	22.75	0.5	23.25
1063	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
1064	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	4	21.50	1.5	23.00
1065	Nguyễn Nam	Huyền	KQH006033	2	22.00	1.0	23.00
1066	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	2	22.00	1.0	23.00
1067	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011379	2	22.00	1.0	23.00
1068	Nguyễn Tiến	Ngọc	TLA010186	2	22.50	0.5	23.00
1069	Chu Thị Kiều	Anh	TQU000019	2	19.50	3.5	23.00
1070	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	2	19.50	3.5	23.00
1071	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
1072	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
1073	Nguyễn Thị	Tuệ	TDV035079	2	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Nguyễn Văn	Dũng	TND004026	2	22.00	1.0	23.00
1075	Tần Mỹ	Chài	THV001149	2	19.50	3.5	23.00
1076	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	2	21.50	1.5	23.00
1077	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	2	21.50	1.5	23.00
1078	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
1079	Trần Thị	Ngọc	HDT018152	2	22.50	0.5	23.00
1080	Nguyễn Thị	Hiệp	HVN003588	2	22.00	1.0	23.00
1081	Nông Thị	Lưu	TND015591	2	19.50	3.5	23.00
1082	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
1083	Trần Thị Hải	Hà	TDV008055	2	21.50	1.5	23.00
1084	Lê Văn	Hiếu	TTB002228	2	21.50	1.5	23.00
1085	Doãn Thị Hồng	Nhung	TTB004566	2	21.50	1.5	23.00
1086	Lý Văn	Đông	HDT005658	2	22.00	1.0	23.00
1087	Lê Ngọc	Anh	HDT000555	2	21.50	1.5	23.00
1088	Nguyễn Phương	Anh	SPH000891	2	23.00		23.00
1089	Hoàng Thị Hải	Yến	TQU006618	2	21.50	1.5	23.00
1090	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	2	19.50	3.5	23.00
1091	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
1092	Hà Ngọc Huyền	Linh	DCN006249	2	22.50	0.5	23.00
1093	Phạm Thị Thanh	Hòa	SPH006664	2	22.00	1.0	23.00
1094	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
1095	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
1096	Nguyễn Kim	Anh	LNH000322	1	21.50	1.5	23.00
1097	Thiều Thị Thanh	Hương	THV006309	1	21.50	1.5	23.00
1098	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	1	21.50	1.5	23.00
1099	Đào Thúy	Quỳnh	THV011038	1	21.50	1.5	23.00
1100	Trần Hoài	Giang	THV003357	1	21.50	1.5	23.00
1101	Lương Thị	Thảo	HDT023229	1	21.50	1.5	23.00
1102	Lưu Thị	Minh	TDV019270	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Lê Thu	Hồng	HDT010100	1	22.50	0.5	23.00
1104	Nguyễn Huyền	Nhung	TND018921	1	22.50	0.5	23.00
1105	Lê Thị	Hiền	HDT008425	1	21.50	1.5	23.00
1106	Phạm Triệu Văn	Anh	TDV001350	1	21.50	1.5	23.00
1107	Liễu Thanh	Huyền	TND011126	1	19.50	3.5	23.00
1108	Vũ Thị	ánh	TND001455	1	21.50	1.5	23.00
1109	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	1	22.00	1.0	23.00
1110	Phan Diệu	Anh	TTB000226	1	21.50	1.5	23.00
1111	Đào Thị	Thu	HVN010083	1	22.00	1.0	23.00
1112	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
1113	Doãn Thị Lâm	Phương	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75
1114	Bùi Thị Hồng	Nhung	TND018759	2	21.25	1.5	22.75
1115	Công Văn	Hoan	TND009228	2	19.25	3.5	22.75
1116	Nguyễn Văn	Quốc	KHA008302	2	21.75	1.0	22.75
1117	Dương Thị	Huệ	THP005994	2	21.75	1.0	22.75
1118	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	2	21.25	1.5	22.75
1119	Phạm Thị Bích	Hạnh	THP004320	2	22.25	0.5	22.75
1120	Hàn Hồng	Trang	HDT026353	2	21.75	1.0	22.75
1121	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
1122	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
1123	Nguyễn Minh	Thảo	SPH015664	2	22.75		22.75
1124	Nguyễn Thị	Hường	HDT012498	2	22.25	0.5	22.75
1125	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	2	22.25	0.5	22.75
1126	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75
1127	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	1	21.75	1.0	22.75
1128	Hà Việt	Long	THV007935	1	21.25	1.5	22.75
1129	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	1	21.25	1.5	22.75
1130	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
1131	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
1133	Hà Kiểu	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
1134	Nguyễn Thị Kim	Oanh	HHA010791	1	22.25	0.5	22.75
1135	Lý Thị Kim	Dung	THV002066	1	19.25	3.5	22.75
1136	Phạm Thị Thuỷ	Chung	HHA001747	1	22.25	0.5	22.75
1137	Nguyễn Thanh	An	HDT000084	1	21.25	1.5	22.75
1138	Lâm Thị ánh	Phượng	SPH013630	1	19.25	3.5	22.75
1139	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	1	21.75	1.0	22.75
1140	Lê Thị	Loan	HDT015080	1	21.25	1.5	22.75
1141	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	LNH006808	1	21.25	1.5	22.75
1142	Tạ Thị	Diệu	YTB003276	1	21.75	1.0	22.75
1143	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
1144	Phạm Xuân	Tiến	SPH017062	2	22.50		22.50
1145	Nguyễn Thị Kim	Ly	DCN007036	2	21.00	1.5	22.50
1146	Đặng Quỳnh	Anh	SPH000310	2	22.50		22.50
1147	Đào Thị Lan	Anh	HDT000290	2	21.00	1.5	22.50
1148	Dư Thanh Hoàng	Tuấn	HDT028086	2	22.00	0.5	22.50
1149	Đào Đức	Thanh	TTB005647	2	21.00	1.5	22.50
1150	Hà Thị Hồng	Hạnh	TQU001532	2	19.00	3.5	22.50
1151	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	2	21.00	1.5	22.50
1152	Ngô Thị Thanh	Thảo	TTN017574	2	21.00	1.5	22.50
1153	Vương Thị Mai	Hương	DCN005465	2	22.00	0.5	22.50
1154	Nguyễn Đức	Trung	TND027154	2	22.00	0.5	22.50
1155	Lê Thị Tú	Anh	YTB000531	2	21.50	1.0	22.50
1156	Lê Bình	Sơn	DCN009667	2	22.00	0.5	22.50
1157	Nguyễn Minh	Thùy	LNH009126	2	19.00	3.5	22.50
1158	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	1	19.00	3.5	22.50
1159	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	1	22.00	0.5	22.50
1160	Trần Thị	Nhi	TDV022215	1	21.50	1.0	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Nguyễn Văn	Trường	TDV034092	1	21.00	1.5	22.50
1162	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
1163	Trần Quang	Anh	TDV001443	1	21.00	1.5	22.50
1164	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	TDV034332	1	22.00	0.5	22.50
1165	Nguyễn Công	Anh	TDV000729	1	22.00	0.5	22.50
1166	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
1167	Phạm Đình	Phong	HDT019451	1	21.00	1.5	22.50
1168	Nguyễn Thùy	Dung	TQU000857	1	21.00	1.5	22.50
1169	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	2	21.25	1.0	22.25
1170	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
1171	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
1172	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
1173	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
1174	Chu Thị	Hồng	KQH005501	2	21.25	1.0	22.25
1175	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009184	2	21.25	1.0	22.25
1176	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25
1177	Hoàng Thị	Thiết	TND023924	2	18.75	3.5	22.25
1178	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	2	21.25	1.0	22.25
1179	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
1180	Nguyễn Thị Hồng	Loan	KQH008188	2	21.75	0.5	22.25
1181	Diệp Tiên	Nữ	HHA010750	2	18.75	3.5	22.25
1182	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
1183	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
1184	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	1	21.25	1.0	22.25
1185	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
1186	Ma Thị	Hạ	TQU001461	1	18.75	3.5	22.25
1187	Nguyễn Trà	My	BKA008863	1	22.25		22.25
1188	Nguyễn Quang	Huy	THP006296	1	21.25	1.0	22.25
1189	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
1191	Nguyễn Phương	Ngân	DCN007939	1	21.75	0.5	22.25
1192	Nông Văn	Hà	TND006411	2	18.50	3.5	22.00
1193	Lê Thuỳ	Dương	TTB001345	2	20.50	1.5	22.00
1194	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
1195	Lê Thị	Loan	LNH005546	2	21.50	0.5	22.00
1196	Trần Văn	Nam	TQU003760	2	18.50	3.5	22.00
1197	Nguyễn Mai	Hương	TLA006730	2	22.00		22.00
1198	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
1199	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
1200	Đào Thị Minh	Anh	TTB000065	2	20.50	1.5	22.00
1201	Hoàng Thị Hà	Trang	THV013710	2	18.50	3.5	22.00
1202	Lương Võ	Khánh	TND012565	2	18.50	3.5	22.00
1203	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
1204	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	2	20.50	1.5	22.00
1205	Đào Thị Hà	My	TQU003657	2	20.50	1.5	22.00
1206	Phó Văn	Trần	SPH017934	1	18.50	3.5	22.00
1207	Ngô Thủy	Vy	HHA016421	1	22.00		22.00
1208	Bùi Thị	Nhung	HDT018633	1	20.50	1.5	22.00
1209	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1210	Dương Thị Thu	Hương	THV006114	1	20.50	1.5	22.00
1211	Cao Thị	Phượng	DCN009008	1	21.00	1.0	22.00
1212	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	TDV005593	2	21.25	0.5	21.75
1213	Quách Thị Thu	Huyền	KQH006348	2	21.25	0.5	21.75
1214	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
1215	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	2	20.75	1.0	21.75
1216	Lý Kiều	Anh	THV000318	1	18.25	3.5	21.75
1217	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	1	20.25	1.5	21.75
1218	Đinh Thị Thanh	Ngân	LNH006495	2	21.00	0.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Trần Thị	Nhâm	HDT018444	2	20.00	1.5	21.50
1220	Nguyễn Thị Kim	Dung	DCN001735	2	20.50	1.0	21.50
1221	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50
1222	Nguyễn Thị Lan	Anh	TDV000944	2	20.50	1.0	21.50
1223	Nguyễn Thúy	Nga	HHA009760	2	20.00	1.5	21.50
1224	Phạm Thị	Ngọc	TTB004405	2	18.00	3.5	21.50
1225	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
1226	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50
1227	Lê Nguyễn Phương	Nhung	TDV022345	1	20.00	1.5	21.50
1228	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
1229	Đàm Văn	Minh	TQU003599	1	20.00	1.5	21.50
1230	Trần Phương	Thảo	THV012344	1	20.00	1.5	21.50
1231	Mào Thị	Duyên	TTB001293	1	18.00	3.5	21.50
1232	Nguyễn Lê Trung	Anh	TTB000172	1	20.00	1.5	21.50
1233	Nông Quang	Đạo	TND004831	2	17.75	3.5	21.25
1234	Lê Quang	Dụng	YTB003879	2	20.25	1.0	21.25
1235	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
1236	Hoàng Khánh	Lâm	TQU002959	2	17.75	3.5	21.25
1237	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	2	19.75	1.5	21.25
1238	Lê Thủy	Tiên	HDT025666	2	20.25	1.0	21.25
1239	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
1240	Nguyễn Khắc	Toàn	HDT025991	1	20.25	1.0	21.25
1241	Đinh Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25
1242	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25
1243	Lê Thị Ngọc	ánh	TTN000767	1	19.75	1.5	21.25
1244	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	1	17.75	3.5	21.25
1245	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
1246	Nguyễn Thị Thuý	Vân	YTB024988	2	20.00	1.0	21.00
1247	Đào Thị Thu	Thủy	SPH016538	2	20.00	1.0	21.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Nguyễn Văn	Tâm	TLA012075	2	20.00	1.0	21.00
1249	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
1250	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
1251	Ngô Châu	Giang	TQU001311	1	19.50	1.5	21.00
1252	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
1253	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75
1254	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
1255	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
1256	Lý Thị Ngọc	ánh	TQU000274	1	19.25	1.5	20.75
1257	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1258	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
1259	Lê Thành	Nam	HDT017020	2	18.75	1.5	20.25
1260	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	HDT011559	2	19.75	0.5	20.25
1261	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
1262	Võ Thị Mai	Oanh	TDV023168	2	18.75	1.0	19.75
1263	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
1264	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50
1265	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
1266	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
1267	Đỗ Thị Hương	Trang	KQH014364	2	18.50	0.5	19.00
1268	Nguyễn Hải	Hà	DCN002868	1	18.50	0.5	19.00
1269	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010491	2	17.00	1.5	18.50
1270	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
1271	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
1272	Nguyễn Văn	Hoàng	KHA004037	2	17.75	0.5	18.25
1273	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
1274	Hoàng Minh	Anh	YTB000411	2	16.75	1.0	17.75
1275	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
1276	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	2	16.75	0.5	17.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

Trang 45

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Nguyễn Mạnh	Hải	TQU001493	2	15.75	1.5	17.25
1278	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
1279	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU